TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Ni giới trong ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam chặng đường 40 năm (1981-2021)

ISSN: 2734-9195 16:33 24/11/2021

Ni giới Việt Nam lấy giáo dục làm trọng tâm trong công tác xây dựng ngôi nhà chính pháp, nên từ khi hình ảnh Ni xuất hiện thì chư tôn tiền bối Ni đã nghĩ đến vấn đề giáo dục Ni chúng, với nhiều hình thức khác nhau; nên đã xây dựng các Ni viện để đào tạo Ni chún

NS.TS. Thích Như Nguyệt Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM. Tham luận tại hội thảo về chủ đề: **"Giáo hội Phật giáo Việt Nam: 40 năm hội nhập và phát triển cùng đất nước"** vào ngày 04-11-2021 tại Tp.HCM

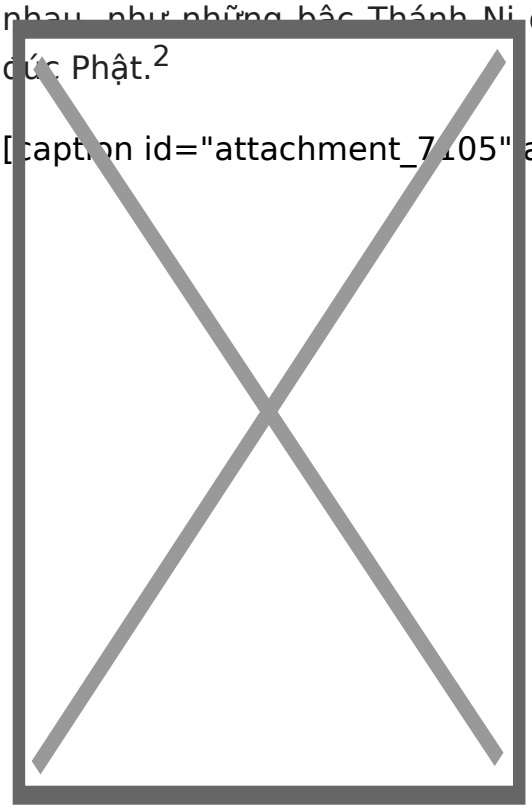
I. DẪN NHẬP

Phân ban Ni giới Trung ương, từ những ngày đầu thành lập, đã hình thành một tổ chức chặt chẽ từ trung ương đến địa phương, trong tinh thần phụng sự, phát huy những truyền thống tốt đẹp vốn có nhằm xây dựng một đoàn thể Ni vững mạnh. Trong giai đoạn khởi đầu, các bậc tôn túc lãnh đạo Ni giới đã bỏ nhiều công sức xây dựng được một Ni đoàn vững mạnh, là tiền đề cho các thế hệ sau, để hôm nay Ni giới được lớn mạnh nhiều mặt. Từ xa xưa, hàng nữ giới tu hành vào thời đức Phật tại thế, cho đến mẫu người phụ nữ được ghi lại trong kinh điển Đại thừa thể hiện được hiểu biết trong sáng, năng lực siêu tuyệt và đạo hạnh đáng kính ngưỡng. Đến đầu thế kỷ XX ở Việt Nam, có các vị Ni làm nên đạo nghiệp phải kể đến Ni trưởng Diệu Tịnh, Ni trưởng Diệu Không, Ni trưởng Như Thanh... đã khởi đầu cho việc hình thành và phát triển của Ni giới Việt Nam.[1] Hiện nay, chư Ni đã xây dựng được một tổ chức lên đến hàng vạn người trong ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam, góp phần thực hiện đường hướng hòa hợp, trưởng dưỡng đạo tâm, trang nghiêm Giáo hội, nhất là đóng góp công sức cho đạo pháp và dân tộc trong thời kỳ đất nước hội nhập và phát triển.

II. VỀ PHƯƠNG DIỆN CƠ CẤU TỔ CHỨC

Khi đức Phật còn tại thế, với lòng bi mẫn Ngài đã cho phép người nữ xuất gia, gia nhập Tăng đoàn, trong thời kỳ đầu này hầu hết các vị đều có sự chứng đắc trong quá trình tu tập, nên sự tổ chức giáo đoàn Tỳ-kheo-ni bấy giờ chỉ chú trọng vấn đề tu tập. Lãnh đạo Ni bấy giờ là Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo, trong hàng Ni chúng với khả năng vốn có nên mỗi vị có một sự thành tựu trong tu chứng khác nhau, như những bậc Thánh Ni đã được đề cập trong tác phẩm Người con gái đức Phật.[2]

[caption id="attachment_7105" align="alignleft" width="266"]



Ni trưởng Như Thanh[/caption]

Phật giáo xuất phát từ Ấn Độ, sau đức Phật diệt độ, giáo đoàn phân chia bộ phái và được truyền bá khắp nơi trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Buổi đầu khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam, hình ảnh chư Ni có xuất hiện (tại trung tâm Phật giáo Luy Lâu), nhưng hình ảnh chư Ni không được sử liệu ghi lại rõ ràng, chỉ để cập chung chung, và có chăng thì cũng tùng Tăng, trong sinh hoạt chưa có hệ thống tổ chức độc lập. Trong thời đại Hai Bà Trưng các nữ tướng sau khi hoàn thành trách nhiệm với việc nước, các vị tìm đến thiền môn xuất gia tu tập, an thân tuổi già, nên hàng nữ xuất gia Ni bấy giờ cũng chưa có tổ chức đoàn thể. Đến khi Ni sư Diệu Nhân (1042-1113) xuất gia và thọ giới với Hòa thượng Chân Không, thuộc dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi đời thứ 17, trụ trì Ni viện Hương Hải, tuy có đồ chúng nhưng cũng với tính cách nội bộ của một bổn tự, chưa có tổ chức rộng rãi ở địa phương hay các vùng lân cận. Khoảng cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX miền Bắc có chùa Ni; miền Trung có chư Ni và tổ chức các tu viện cho Ni chúng tu học, Ni trưởng Diên Trường (1863-1950) là một vị Tỳ-kheo-ni

đầu tiên của miền Trung, có tổ chức giới đàn cho chư Ni thọ lãnh giới pháp và Ni viện Diệu Viên được xem là Ni viện đầu tiền ở Huế.

Tại miền Nam, năm 1935, Ni trưởng Như Thanh cùng quý Ni trưởng Diệu Tịnh, Diệu Tấn... đã cùng nhau xây dựng chùa Từ Hóa (chùa Hải Ấn ngày nay) để Ni chúng Sài Gòn có nơi tập trung tu học và thừa hành các Phật sự do chư Ni tổ chức. Trong giai đoạn này có Ni trưởng Như Thanh đại diện chư Ni đương thời đã tập họp và xây dựng được đội ngũ chư Ni tài đức để đi đến thành lập Ni bộ Việt Nam. Vào ngày 5-6/10/1956, đại hội Ni bộ được tổ chức tại chùa Huê Lâm, đã đánh dấu một thời kỳ đặc biệt cho Ni chúng ghi chép một trang lịch sử vẻ vang trong ngày thành lập Ni bộ... là ngày tươi sáng đã đáp lại triển vọng của Ni giới từ lâu mong mỏi một tổ chức hoàn thiện để làm khuôn mẫu.[3] Ba miền đất nước có các bậc Tôn túc Ni, lãnh đạo tinh thần, nhận thấy việc thành lập Ni bộ là một vấn đề cần thiết, nhưng do ảnh hưởng tình hình chung của nước nhà, đất nước chưa thống nhất, nên hình thành một tổ chức có đủ 3 miền tham gia không là vấn đề đơn giản. Nhưng với nỗ lực của chư Ni đương thời đã tổ chức Đại hội Ni bộ Nam Việt, có Ban Quản Trị với các chức danh:

Ni trưởng danh dự (4 vị) Ni trưởng Chánh thức (01 vị) Ni Phó Chánh thức (02 vị) Tổng Thư ký (01 vị) Phó Thư ký (02 vị) Chánh Thủ bổn (01 vị) Phó Thủ bổn (02 vị) Phụ trách Giám luật (01 vị) Phụ trách Nghi lễ (01 vị) Phụ trách Giáo dục (01 vị) Phụ trách Tổ chức (02 vị) Phụ trách Thuyên chuyển (01 vị) Trưởng Bộ tịch (01 vị) Cố vấn Tối cao (01 vị) Phụ trách Thường trực (04 vị) Phụ trách Kiểm soát (04 vị)[4]

Về mặt hình thức, Ni bộ Nam Việt có một tổ chức độc lập *"Chúng tôi mong rằng Ni bộ đứng trong một bộ phận của Giáo hội Tăng già, sẽ được toàn thể Tăng Ni tín nhiệm..."*[5] đó là một thành tích của Ni giới miền Nam. Năm 1972 Ni bộ Việt Nam đổi tên thành Ni bộ Bắc tông. Đây là một tổ chức của Ni được công nhận trên văn bản hành chánh của Giáo hội lúc bấy giờ, làm tiền đề cho các thế hệ Ni kế tiếp.

Khi nước nhà thống nhất 1975, đến năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập, Ni giới Việt Nam là một bộ phận của Giáo hội, mọi sinh hoạt theo Hiến chương và Nội quy Tăng sự. Năm 2008 thể theo nguyện vọng của chư Tôn đức Ni thành lập một tổ chức của Ni để thuận tiện trong các hoạt động, đã được Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự Thích Trí Tịnh đã ký Quyết định số 467/QĐ-HĐTS công nhận thành phần nhân sự Phân Ban Đặc Trách Ni giới trực thuộc Ban Tăng sự Trung ương. Đến năm 2009 qua sự cầu thỉnh của chư Tôn đức Ni, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã cho phép thành lập Phân Ban Ni giới Trung ương, trực thuộc Ban Tăng sự Trung ương và xây dựng được Nội quy Phân ban

Ni giới Trung ương gồm có 04 chương 24 điều, đã được Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2013 và có hiệu lực thực hiện kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam ký quyết định ban hành. Phân Ban Ni giới các tỉnh thành lần lượt ra mắt, hiện tại đã có 48/63 Phân ban Ni giới các tỉnh thành được thành lập. Tuy mỗi địa phương có sự tu tập, sinh hoạt biệt truyền, nhưng trong sinh hoạt hành chánh đều tuân theo Nội quy của Giáo hội và của Phân Ban Ni giới Trung ương. Điều này cho thấy, dù ở thời nào Ni giới Việt Nam vẫn tuân thủ các quy định chung, sinh hoạt có đoàn thể, tổ chức, ngoại trừ một thiểu số không theo khuôn phép, sinh hoạt tự phát, thành phần này không được tính trong hàng ngũ Ni giới.

Qua đó cho thấy từ khi Ni giới Việt Nam đã có mặt từ thế kỷ X, nhưng chưa có hệ thống tổ chức mà chỉ là các chùa tự sinh hoạt, đa phần miền Bắc đã có chùa Ni. Đến gần cuối thế kỷ XVIII miền Trung có chư Ni xuất gia thọ giới tại một số giới đàn miền Trung. Thập niên 30 của thế kỷ XIX thì số lượng Ni chúng xuất hiện đông và tới thập niên 50 thì hình thành Ni bộ miền Nam, có hệ thống tổ chức. Năm 2009, Phân Ban Đặc trách Ni giới Trung ương trực thuộc Ban Tăng sự Trung ương được thành lập, trong cơ cấu tổ chức, hàng ngũ lãnh đạo một số là chư tôn đức Ni trước đây từng tham gia trong Ni bộ miền Nam, và theo Nội quy Phân ban Ni giới Trung ương, trở thành một đoàn thể có cơ cấu tổ chức rõ ràng.

III. VỀ PHƯƠNG DIỆN GIÁO DỤC - HỌC THUẬT

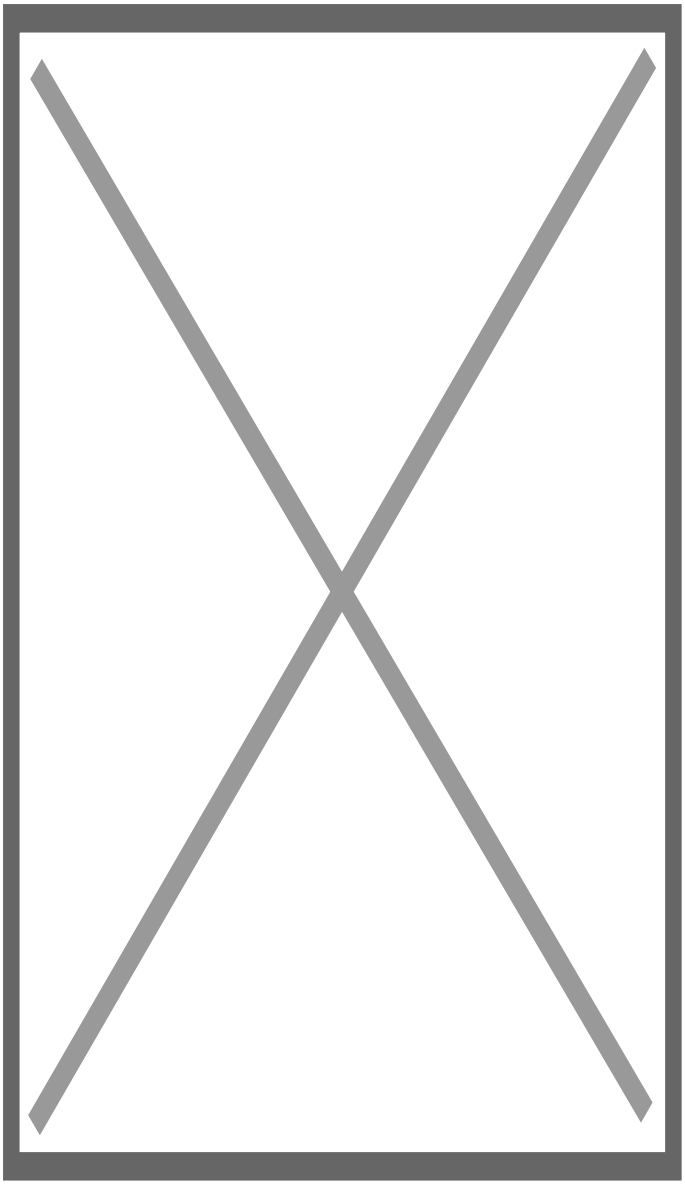
Giáo dục là điều kiện không thể thiếu được trong một gia đình, đoàn thể, xã hội. Vì vậy Ni giới Việt Nam từ những thập niên 20 của thế kỷ XIX, các Ni viện lần lượt được thành lập. Miền Bắc, ngay thời Lý, Ni viện Hương Hải là nơi Ni sư Diệu Nhân (1042-1113) tu tập trước đây, được Trung tâm Sách Kỷ Lục xác lập *"Ni viện Phật giáo đầu tiên của Việt Nam",* điều đó cho thấy hình ảnh chư Ni xuất hiện rất sớm, nhưng do ảnh hưởng tinh thần trọng nam khinh nữ của văn hóa Nho giáo, làm cho cuộc sống Ni giới suốt chiều dài lịch sử phát triển trong giai đoạn này gần như ẩn mình. Phần lớn giáo dục thời bấy giờ mang tính gia giáo, có chăng chùa Ni tại miền Bắc có truyền thống từ nửa sau thế kỷ XIX trở đi xuất hiện một số vị sư Ni trụ trì các chùa và đến đầu thế kỷ XX Ni đoàn dần được phôi thai có nhiều chùa do chư Ni trụ trì, có Tổ đình Ni, Sơn môn Ni.[6] Tại Bắc bộ hình bóng chư Ni xuất hiện vào thế kỷ XVII và đến thế kỷ XIX thì chư Ni xuất hiện tại một số tỉnh: Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, v,v... các Ni đoàn dần được phôi thai. Một số sơn môn Ni xuất hiện tại Hà Nội, phần lớn chùa Ni đều y vào Tăng. Dù xuất hiện dưới hình thức Ni viện, Sơn môn, Tổ đình... thì chư Ni thời đó chắc chắn nhận được sự giáo dục của nội bộ bổn tự giữa thầy và trò,

trong khuôn khổ nhất định, nhưng có một giá trị tu tập, đạo đức trong cuộc sống hiện tại rất lớn. Cũng trong giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX các Ni viện miền Trung, miền Nam lần lượt thành lập.

Năm 1928, chùa Diệu Viên thành lập, Ni viện đầu tiên ở xứ Huế. Trong thời gian này vai trò của Ni trưởng Diệu Hương với việc xây dựng Diệu Viên Ni tự đầu tiên và mở lớp học Ni đầu tiên tại chùa Từ Đàm. Năm 1932, trường Ni học khai giảng đầu tiên tại chùa Từ Đàm, Sư bà Diệu Hương giữ chức vụ Giám đốc, làm chỗ nương tựa và nêu cao đèn tuệ cho Ni chúng trong buổi khởi đầu. Năm 1934, Ni viện Diệu Đức thành lập, là một cơ sở giáo dục tu tập riêng của Ni chúng miền Trung trong giai đoạn trưởng thành.[7]

Ni giới Nam bộ với các công tác giáo dục, không thể không đề cập đến Tỳ-kheo-ni Hồng Nga (1885-1951), năm 1927 đã mở lớp gia giáo Ni tại chùa Giác Hoa, là ngôi chùa Ni đầu tiên ở miền Nam do chính cô xây dựng, nơi đây thường xuyên nuôi trên 100 Ni chúng tu học cho đến năm 1945.[8] Đây là ngôi chùa Ni đầu tiên tại miền Tây Nam bộ.

Sau đó các lớp học tại chùa tiếp tục cho đến năm 1952, sau khi Ni sư viên tịch. Sư cô Như Hoa, đệ tử của Hòa thượng Chánh Quả được Hòa thượng giao chùa Phước Huệ ở Sa Đéc cho trụ trì. Tại đây Sư cô mở giới đàn cho Ni chúng thọ giới, nuôi chúng Ni tu học. Chùa Kim Huê nơi Hòa thượng Chánh Quả trụ trì, từ năm 1936 là điểm đầu tiên tổ chức giảng dạy cho Ni sinh về nghi thức truyền giới, góp phần đào tạo Ni chúng cho Ni bộ miền Bắc sau này.[9]



Vào khoảng giữa thế kỷ XIX, chùa Ni bắt đầu xuất hiện trên vùng đất Sài Gòn - Gia Định, song song việc xuất hiện ngôi chùa Ni, bên trong đã có sẵn định hướng mô hình giáo dục Ni chúng, nhưng do hoàn cảnh và điều kiện không cho phép nên hình thức giáo dục trong buổi ban sơ vẫn mang hình thức gia giáo. Cuối năm 1934 trên khu đất thuộc làng Tân Sơn Nhì, Sư bà Diệu Tịnh cùng các Sư bà Diệu Tấn, Diệu Tánh và Diệu Thuận xây dựng ngôi chùa Ni đầu tiên trên đất Gia Định, với những vật liệu thô sơ bằng lá. Tuy cơ sở vật chất không không hiện đại, kiên cố, nhưng sự quyết tâm và hoài bão của chư tôn đức Ni thật dũng mãnh, muốn xây dựng một đoàn thể Ni chúng vững mạnh, điều trước tiên vẫn là vấn đề giáo dục. Hoạt động Phật sự nổi bật nhất trong hoạt động của chư Ni chùa Hải Ấn chính là việc giáo dục. Ngay từ buổi đầu thành lập, Ni trưởng Diệu Tịnh đã chuyên dạy Phật pháp cho đệ tử Ni tại chùa. Đây là mô hình lớp gia giáo sớm nhất tại Sài Gòn. Giáo trình đầu tiên và sơ cơ chính là các bộ kinh bằng chữ Hán như Di Đà, Hồng Danh, Vu Lan, Phổ Môn...[10]

Năm 1939, tại Mỏ Cày - Bến Tre, Hòa thượng Minh Tịnh mở lớp dạy cho Ni chúng một thời gian, sau đó tập trung sinh hoạt với Phật học Đường Lưỡng Xuyên ở Trà Vinh. Hòa thượng Khánh Hòa mở Phật học đường Ni tại Bến Tre với tên là Vĩnh Bửu Ni viện, nơi đây đã đào tạo nhiều chư Ni sau này trở thành các bậc lãnh đạo Ni tại miền Nam.

Vào những năm 1939-1945, tại Phú Nhuận Ni trưởng Diệu Tấn mở Ni trường tại chùa Kim Sơn. Ngoài Ni sinh học tại chỗ, Sư cô còn gửi Ni sinh ra Huế học. Năm 1947, Ni viện thuộc chùa Huê Lâm (quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh) thành lập. Ni viện dưới sự lãnh đạo của Ni trưởng Như Thanh, Huê Lâm trở thành trung tâm đào tạo Ni giới, tạo tiền đề cho việc thành lập Ni bộ. Năm 1950, Phật học Ni viện Từ Nghiêm được thành lập, đây là trường Ni nằm trong hệ thống Phật học đường Nam Việt. Năm 1952. Rồi đến Ni trường Dược Sư được thành lập, đây là Ni trường lớn thứ hai sau Ni trường Từ Nghiêm. Do chùa Từ Nghiêm bị hỏa hoạn nên trường Ni phải dời về chùa Dược Sư. Ni trường Dược Sư quy tụ được nhiều Ni sinh ở miền Trung, Tây Nam bộ và Tây Nguyên về học.

Nét đặc thù của Phật giáo Việt Nam nói chung và Ni giới nói riêng, có nhiều hệ phái cùng hoạt động chung trong ngôi nhà Phật giáo Việt Nam, trong đó tu nữ Phật giáo Nam tông đã đóng góp vai trò quan trọng trong vấn đề xây dựng ngôi nhà Phật giáo, nên không thể không đề cập đến vấn đề liên quan đến giáo dục Phật giáo của Ni giới.

Trước đây, tại Việt Nam Tu nữ Phật giáo Nam tông tuy chưa được Giáo hội công nhận, đến năm 2011, tu nữ Phật giáo Nam tông được chính thức công nhận, năm 2012 Ban Tăng sự Trung ương chính thức cấp giấy Chứng nhận Tu nữ Nam tông.[11] Hình ảnh tu nữ Phật giáo Nam tông xuất hiện khá sớm, đó là tu nữ Diệu Đáng (1924- 1995). Tu nữ xuất gia tại chùa Sùng Phước (Nam Vang 1941), từng tham gia các khóa thiền ở Thái Lan, du học ở Myanmar. Năm 1941 Tu nữ Diệu Đáng thiết lập Ni bộ Tu nữ Bửu Quang, Bửu Long tồn tại cho đến ngày nay, hiện tại hệ phái Nam tông Kinh có khoảng 700 tu nữ.[12] Qua đó, cho thấy truyền thống Tu nữ Nam tông Kinh tại Việt nam có mặt từ rất sớm, cùng với chư Tăng Nam tông từ những năm 1938, bấy giờ tuy chưa được Giáo hội Phật giáo Việt Nam chính thức công nhận, nhưng Tu nữ Nam tông đã xây dựng nền móng tu học, các Ni viện tuy không độc lập, mà là tại trú xứ chư Tăng, điều đó cho thấy lãnh đạo các Tu nữ Nam tông đã tích cực xây dựng các chỗ để giáo dục cho Tu nữ.

Ngoài ra, Phật giáo Việt Nam còn có hệ phái Khất sĩ. Năm 1944 tại Nam bộ, giáo đoàn Ni trong hệ phái Khất sĩ ra đời người sáng lập là đức Tổ sư Minh Đăng Quang. Ngay từ thời đức Tổ sư còn tại thế, trong hàng ngũ xuất gia của hệ phái

có tới 53 vị Ni. Ni giới ban đầu do đức Tổ sư chỉ đạo. Sau khi Ngài vắng bóng, Ni trưởng Huỳnh Liên lãnh đạo Ni giới tiếp tục hành đạo. Nhận thấy Ni giới của hệ phái cần thiết phải có một tổ chức riêng, một Ban vận động được thành lập với Bản Điều lệ gồm 30 Điều làm tại Sài Gòn ngày 18-10- 1957. Bản Điều lệ được Bộ Nội vụ chính quyền Sài Gòn duyệt y theo Nghị định số 7/BNV/NA/P5. Trên cơ sở của Nghị định số 7 ngày 1-1-1958, Ni trưởng Huỳnh Liên đứng ra thành lập Giáo hội Ni giới Khất sĩ Việt Nam. Trụ sở đặt tại Tịnh xá Ngọc Phương (nay là số 491/1 đường Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh).[13]

Từ những dữ liệu trên cho thấy Ni giới Việt Nam lấy giáo dục làm trọng tâm trong công tác xây dựng ngôi nhà chính pháp, nên từ khi hình ảnh Ni xuất hiện thì chư tôn tiền bối Ni đã nghĩ đến vấn đề giáo dục Ni chúng, với nhiều hình thức khác nhau; nên đã xây dựng các Ni viện để đào tạo Ni chúng, mặc dù trong thời xa xưa ấy không có các thiết bị giảng dạy hiện đại như ngày nay, nhưng Ni giới Việt Nam đã đào tạo nhiều thế hệ kế thừa, làm tiền đề cho sự phát triển ngày nay.

Trước năm 1975, chư Ni chỉ được tham gia giảng dạy các Ni viện, các lớp gia giáo, năm 1984 trường Cao cấp Phật học Việt Nam, Ni trưởng Thích Nữ Trí Hải được xem là bậc thông tuệ của Ni chúng Việt Nam có một đóng góp lớn trong việc phiên dịch, am tường kiến thức Đông Tây, kim cổ, giỏi cổ ngữ như Hán văn, Pali, Sankrit, thông thạo nhiều ngoại ngữ Anh, Pháp, Đức kinh điển, nhưng cũng chỉ dạy lớp Luật cho Ni chúng của trường thời bấy giờ và kèm Anh văn Phật pháp cho Tăng Ni sinh, những môn khác Ni trưởng thừa khả năng dạy, nhưng cũng chỉ giới hạn trong phạm vi của Ni sinh, trong khi giảng viên nữ bên ngoài thì được mời đến trường giảng dạy chính thức trong lớp có cả Tăng Ni, mặc dù Ni trưởng được xem là giảng viên Ni đầu tiên được dạy tại trường Cao cấp Phật học Việt Nam. Điều này cho thấy trong giai đoạn này các công tác về học thuật, chư Ni tham gia rất khiêm tốn, còn rụt rè chưa mạnh dạn tham gia vào các hoạt động mang tính học thuật. Cuối thập niên 90 tại Việt Nam phong trào xuất dương du học phổ biến, nên Tăng Ni Việt Nam sau khi tốt nghiệp tại trường Cao cấp Phật học Việt Nam (nay là Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh) du học đến các nước: Ấn Độ, Đài Loan, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Myanmar… sau khi tốt nghiệp trở về Việt Nam bắt đầu được tham gia giảng dạy tại các Học viện Phật giáo, trường Cao đẳng, Trung cấp Phật học. Tuy nhiên số lượng Ni được tham gia giảng dạy tại các trường này vẫn chưa đông. Năm 2009, tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, khi Hòa thượng Thích Trí Quảng đảm nhiệm chức vụ Viện trưởng, Học viện đã có một sự thay đổi lớn; số lượng chư Ni du học, tốt nghiệp nước ngoài trở về nước tương đối đông, có dấu hiệu khởi sắc. Hòa thượng là vị khơi nguồn sử dụng nguồn nhân lực được đào tạo chính quy, có học vị, cho phép Ni được tham gia giảng dạy chính thức trong

các khoa cũng là lúc Học viện chuyển từ hệ thống đào tạo niên chế sang hệ thống tín chỉ, Học viện có nhiều khoa, cũng là cơ hội để chư Ni tham gia giảng dạy tại các khoa theo chuyên môn của mình, trong đó khoa Trung văn có số lượng giảng viên Ni đông nhất, hiện nay Học viện có hơn 50 vị Ni là giảng viên cơ hữu của Học viện. Điều này cho thấy, trên con đường phát triển Phật giáo Việt Nam nói chung và Ni giới nói riêng đã nỗ lực vượt qua các rào cản, phát huy năng lực vốn có để chung tay với Giáo hội phát triển các hoạt động giáo dục, dịch thuật, học thuật... Ni giới mỗi ngày tham gia số lượng khá đông, có một khởi sắc đáng mừng, tuy nhiên vẫn còn một số lý do làm giới hạn sự học tập, sự dấn thân của chư Ni thế hệ trẻ trong các công tác khi xã hội và Giáo hội cần.

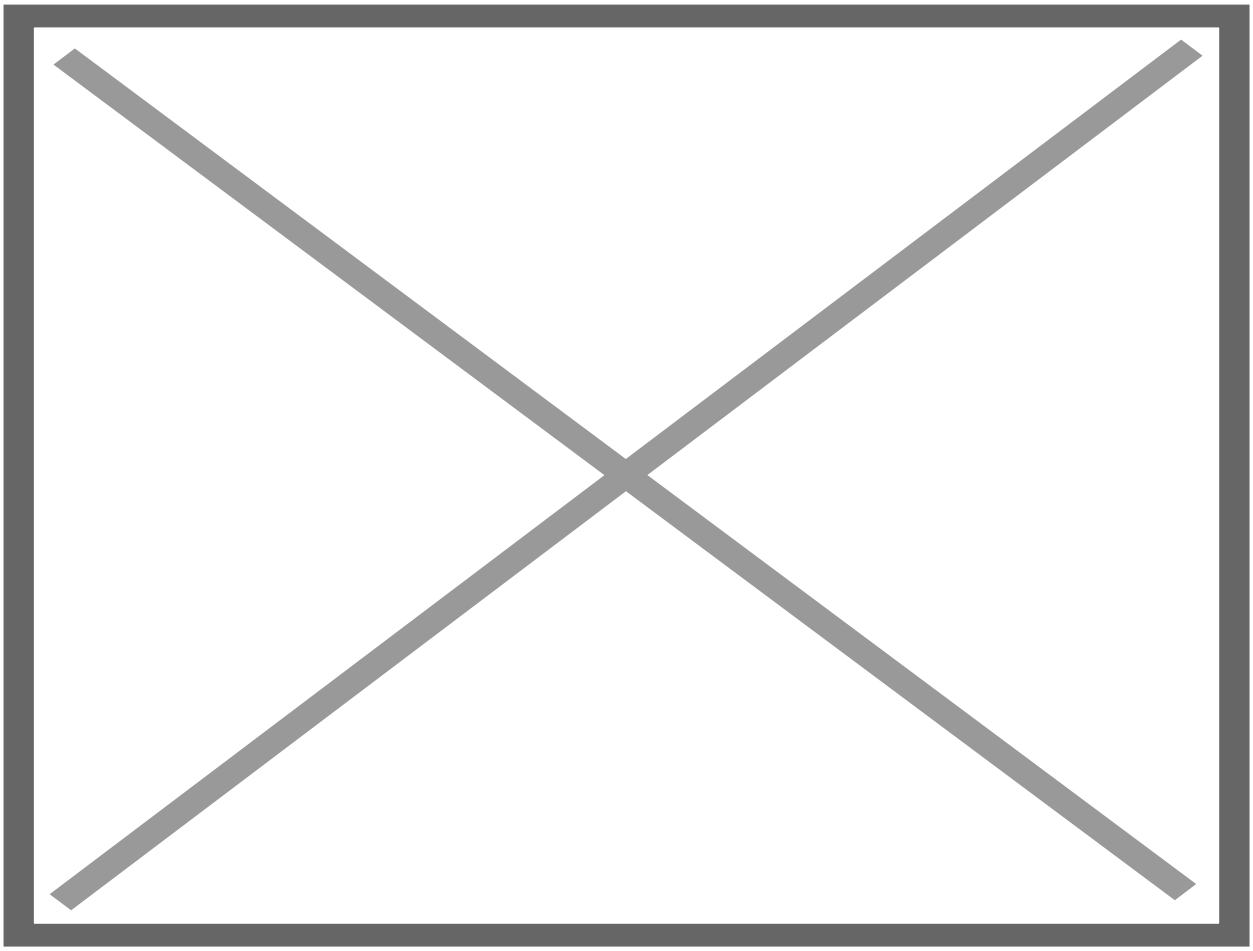
IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA NI GIỚI HIỆN NAY

Phần lớn trong suy nghĩ của chư Ni thế hệ trẻ: Sau khi học xong phải tìm cho mình một chỗ làm chỗ sở hữu cá nhân của mình, nên ngày nay hiện tượng xây am thất xảy ra nhiều, và dẫn đến các hệ lụy: sống tự do, phóng túng, không kiểm soát được bản thân, chỉ nghĩ đến cá nhân, không lo cho việc chung, nên đối với chư Ni không có nhiều hội chúng lớn, không cống hiến được nhiều cho xã hội và Giáo hội.

Hiện nay Phật giáo Việt Nam nói chung, Ni giới nói riêng, chưa có Tịnh Dưỡng đường, nơi để cho hàng xuất gia sau khi mãn thời gian cống hiến, trở về tịnh dưỡng khi tuổi xế chiều được chăm lo từ vật chất đến tinh thần, nhất là vấn đề chăm sóc sức khỏe.

Mỗi năm Ni giới đóng góp cho công tác từ thiện xã hội một con số rất lớn, nhưng chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề giáo dục, điển hình qua đại dịch Covid-19, Tăng Ni, Phật tử tham gia cùng với các tôn giáo khác, thì Tăng Ni có chuyên môn (y tế) còn quá khiêm tốn so với các tôn giáo bạn.

Đối với công tác Giáo dục Mầm non, con số trường Tư thục Mầm non của Phật giáo cũng quá ít so với tôn giáo bạn, điển hình tại TP. Hồ Chí Minh Phật giáo chỉ có 3 cơ sở, còn tôn giáo bạn như Công giáo có hơn 100 cơ sở Mầm non, Mẫu giáo tư thục. Thiết nghĩ tương lai con em Phật tử phải đến học tại các cơ sở giáo dục Mầm non, Mẫu giáo tư thục của tôn giáo bạn, Phật giáo chúng ta sẽ nghĩ gì về vấn đề này?



Việc đào tạo Ni chúng trẻ tham gia các chương trình học tại các chương trình Cử nhân, Thạc sĩ, Tiến sĩ tại các trường đại học ngoài xã hội để có được chuyên môn khi tham gia các công tác lâu dài hay cấp bách, chư tôn đức Ni chưa quan tâm đúng mức, nên Ni giới không có đội ngũ chuyên môn, các Ni sinh đi học phải tự đóng học phí, bằng cách này hay cách khác để tìm được số tiền đóng học phí cho mỗi năm, đây không là vấn đề đơn giản. Dù chỉ là món quà tinh thần nhưng chúng ta vẫn chưa thể hiện được nhiều. Được biết Ni giới Hệ phái Khất sĩ mỗi năm có phát học bổng cho tất cả Tăng Ni đang theo học tại các trường trong và ngoài nước, dù số tịnh tài đó không nhiều, nhưng thể hiện tinh thần trách nhiệm, khích lệ đối với hàng hậu học, và điều này làm cho thế hệ hậu học phải có trách nhiệm đối với xã hội và Giáo hội.

V. KẾT LUẬN

Nhìn chung, chặng đường 40 năm của Ni giới Việt Nam, đồng hành với Giáo hội, đạt được thành tựu nhiều mặt: có hệ thống tổ chức, có nền tảng giáo dục, có tham gia các công tác học thuật... có mặt thì quá nổi bật như công tác từ thiện, mặc dù bài viết không đề cập vấn đề này. Nhưng trên thực tế cho thấy còn một số mặt còn hạn chế, nhất là công tác dịch thuật, giáo dục mầm non, giảng dạy, nghiên cứu và hoằng pháp. Với những gì chư Tôn đức Ni tiền bối đã dày công

xây dựng và phát triển, Ni giới Việt Nam ngày nay cần kế thừa, phát huy hơn nữa thế mạnh để góp phần xây dựng ngôi nhà Phật giáo Việt Nam ngày càng được phát triển nhiều mặt hơn nữa, không chỉ dừng lại công tác từ thiện, thế hệ chư Ni trẻ cần tích cực ở nhiều mặt khác trong việc phụng sự chánh pháp.

NS.TS. Thích Như Nguyệt Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM. Tham luận tại hội thảo về chủ đề: **"Giáo hội Phật giáo Việt Nam: 40 năm hội nhập và phát triển cùng đất nước"** vào ngày 04-11-2021 tại Tp.HCM ***

CHÚ THÍCH

1 Hòa thượng Thích Trí Quảng, Vai trò của Ni giới Việt Nam trong xã hội hiện nay, https://giacngo.vn/vai-tro-cua-ni-gioi-viet-nam-trong-xa-hoi-hien-nay-post39.html, truy cập 6-4-2008. 2 Minh Đức Triều Tâm Ảnh (2014), Người con gái đức Phật, Nxb Văn Học. 3 Kỷ niệm Đại hội Ni bộ Việt Nam, Ni bộ ấn hành và phát hành 1957, tr. 13. 4 Sđd, tr. 47- 48. 5 Sđd, tr. 8. 6 Nguyễn Đại Đồng, Sự ra đời của Ni đoàn Phật giáo xứ Bắc, trong Tài liệu Hội thảo khoa học Kỷ niệm 906 năm Ni sư Diệu Nhân viên tịch cùng chư vị Tổ sư Ni tiền bối hữu công, 2019, tr. 271. 7 Tỳ-kheo-ni Như Đức (2009), Lược sử Ni giới Bắc tông Việt Nam, Nxb Tôn giáo, tr. 25. 8 Trần Hồng Liên, Giáo dục Ni chúng ở Nam kỳ đầu thế kỷ XX, trong Nữ giới Phật giáo Việt Nam: Truyền thống và hiện đại, Nxb Đại học Quốc Gia TP.Hồ Chí Minh, 2016, tr. 589. 9 PGS.TS. Nguyễn Hồng Dương, Ni giới và tổ chức Ni giới trong mạng mạch Phật giáo Việt Nam, trong Tạp Chí Công Tác Tôn Giáo, số 3, 2021, tr. 9. 10 ThS. Đặng Hoàng Lan, Hải Ấn Ni tự ngôi chùa tiên phong trên đất Sài Gòn - Gia Định, trong Ni giới Thành Phố Hồ Chí Minh Tiềm năng - Hội nhập - Phát triển, TP.HCM, Nxb Tổng Hợp, 2020, tr.109. 11 Thích Thiện Minh, Ni đoàn Phật giáo Nguyên thủy từ truyền thống đến hiện tại, trong Ni giới Phật giáo Việt Nam: Truyền thống và hiện đại, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr. 15. 12 Thích Thiện Minh, Sđd, tr. 9. 13 Thích Giác Duyên, Sự hình thành, phát triển và những đóng góp của hệ phái Khất sĩ, trong Nữ giới Phật giáo Việt Nam truyền thống và hiện đại, Nxb Đại học Quốc Gia TP.HCM, 2016, tr. 573.

THƯ MỤC THAM KHẢO

Hòa thượng Thích Trí Quảng, Vai trò của Ni giới Việt Nam trong xã hội hiện nay, https://giacngo.vn/vai-tro-cua-ni-gioi-viet-nam-trong-xa-hoi-hien-nay-post39.html, truy cập 6-4-2008. Kỷ niệm Đại hội Ni bộ Việt Nam, Ni bộ ấn hành và phát hành 1957. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Kỷ niệm 906 năm Ni sư Diệu Nhân viên tịch cùng chư vị Tổ sư Ni tiền bối hữu công, 2019. Nguyễn Hồng Dương, Ni giới và tổ chức Ni giới trong mạng mạch Phật giáo Việt Nam, Tạp Chí

Công Tác Tôn Giáo, số 3/2021. Nhiều tác giả (2016), Nữ giới Phật giáo Việt Nam truyền thống và hiện đại, Nxb Đại học Quốc Gia TP.HCM. Nhiều tác giả (2020), Ni giới Thành Phố Hồ Chí Minh Tiềm năng - Hội nhập - Phát triển, TP.HCM, Nxb Tổng Hợp. Tỳ-kheo-ni Như Đức (2009), Lược sử Ni giới Bắc tông Việt Nam, Nxb Tôn giáo.